

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/DS-ST
Ngày 14 – 8 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - là Thư ký viên

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 584/2020/QĐXXST-DS ngày 27/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số 266-268, đường N, Phường 8, Quận 3, TP. H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1992, địa chỉ: khóm 1, Phường 8, Tp C, tỉnh C, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro - chi nhánh C (theo văn bản ủy quyền lại số 471A/GUQ - CNCM ngày 13/5/2020).(có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 55/3, đường L, khóm 3, Phường 4, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2020 của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Ngân hàng TMCP S cho bà Trần Thị Mỹ P vay các khoản như sau:

Vào ngày 05/4/2017, bà Trần Thị Mỹ P đã ký hợp đồng tín dụng số 1709500567 với Ngân hàng TMCP S (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) vay tín chấp số tiền là 40.000.000đ, mục đích vay để tiêu dùng, lãi suất 0,8%/tháng, lãi quá hạn được tính 150% lãi trong hạn, vốn và lãi trả hàng tháng, lãi được tính theo dư nợ

ban đầu, thời hạn vay là 60 tháng, mỗi tháng trả tổng cộng vốn và lãi là 986.000đ, trả kỳ cuối là 1.026.000đ. Trong quá trình vay, đến ngày 02/12/2019, bà P đã trả được 20.646.000đ tiền vốn và tiền lãi phát sinh thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Sau nhiều lần yêu cầu, đến ngày 13/7/2020, bà P đã trả thêm được 2.958.000đ vốn thì ngưng cho đến nay. Tính đến ngày 14/8/2020, bà P còn nợ Ngân hàng vốn 16.396.000đ, lãi trong hạn là 2.560.000đ và lãi quá hạn là 311.746đ, tổng cộng là 19.267.746đ. Nay Ngân hàng yêu cầu bà P trả số nợ vốn và các khoản lãi nêu trên, và trả lãi phát sinh theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt khoản nợ vay.

Ngoài ra, vào ngày 23/3/2017, Ngân hàng có cho bà P mở thẻ tín dụng hạn mức 15.000.000đ tại Ngân hàng TMCP – chi nhánh C, trong quá trình giao dịch, bà P còn nợ Ngân hàng số tiền 7.128.041đ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P phải thanh toán khoản nợ thẻ nêu trên. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 13/7/2020, bà P đã thanh toán xong khoản nợ này nên Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ thẻ tín dụng số tiền 7.128.041đ.

Tại bản tự khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Ngày 05/4/2017, bà có vay của Ngân hàng TMCP S - chi nhánh C số tiền 40.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, đối với khoản vay này, bà còn nợ số tiền gốc là 16.396.000đ, lãi 2.560.000đ và lãi quá hạn là 286.000đ.

Ngoài ra, vào ngày 23/3/2017, bà có mở thẻ tín dụng hạn mức là 15.000.000đ, đối với khoản nợ này, ngày 13/7/2020, bà đã thanh toán dứt điểm toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

Nay bà đồng ý thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số tiền gốc là 16.396.000đ và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán dứt điểm khoản nợ trên. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả mỗi tháng 600.000đ.

Do điều kiện chăm sóc mẹ bệnh, không sắp xếp được thời gian nên bà xin vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Mỹ P có yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phụng theo quy định tại các Điều 207, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Đối với khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 1709500567 ngày 05/4/2017, xét thấy, Ngân hàng TMCP S và bà Trần Thị Mỹ P ký kết với nhau hợp đồng tín dụng số 1709500567 ngày 05/4/2017 trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán nợ là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, trong quá trình vay, bà P đã trả được vốn tổng cộng là 23.604.000đ và trả lãi đến ngày 25/12/2019 thì ngưng không đóng lãi. Tính đến ngày 14/8/2020, bà P còn nợ Ngân hàng tiền vốn là 16.396.000đ, lãi trong hạn là 2.560.000đ, lãi quá hạn 311.746đ, tổng cộng là 19.267.746đ. Xét thấy, lời trình bày của Đại diện hợp pháp của Nguyên đơn phù hợp với trình bày của bị đơn, phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết, phù hợp với bảng tính chi tiết trả nợ nên việc Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà P trả tổng số tiền 19.267.746đ nêu trên và lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ vay là có cơ sở chấp nhận.

[4] Việc bà P yêu cầu được trả mỗi tháng 600.000đ, đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý, xét đây là tranh chấp về phương thức thanh toán nợ, thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thi hành án nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Đối với khoản nợ thẻ tín dụng, xét thấy, tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của Nguyên đơn xác định bà P đã thanh toán xong khoản nợ thẻ nên Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà P trả số nợ 7.128.041đ của thẻ tín dụng, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[6] Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 207, 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng;

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Trần Thị Mỹ P thanh toán cho Ngân hàng TMCP S các khoản, tính đến ngày 14/8/2020, tổng cộng số tiền là 19.267.746đ, trong đó nợ vốn là 16.396.000đ, nợ lãi trong hạn là 2.560.000đ, nợ lãi quá hạn là 311.746đ và lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ vay.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 14/8/2020, bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà Phụng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Đình chỉ xét xử đối với phần Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Trần Thị Mỹ P thanh toán khoản nợ thẻ tín dụng số tiền 7.128.041đ.

3/ Án phí dân sự sơ có giá ngạch sơ thẩm: Bà P phải nộp 963.000đ (chưa nộp).

Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 705.000đ theo biên lai thu số 0001920 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân

Lý Văn Sua

Lê Thị Kim Oanh

Nguyễn Văn Chiến

